

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024.

V/v: Ly hôn và
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Tô Hải Đăng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Ngọc L - sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Danh B – sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị Ngọc L như sau:

Bà và ông Danh B tổ chức đám cưới vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G vào ngày 08/10/2009.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bà thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, chồng bà ghen tuông vô cớ, ông Danh B còn dùng bạo lực với bà nhiều lần, gia đình khuyên ngăn nhưng ông B vẫn không thay đổi, do bà không chịu nổi nên đã bỏ nhà đi từ tháng 02/2022 đến nay và vợ chồng bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương ông Danh B nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh B.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015, hiện nay chồng bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Danh B.

Về con chung: Hiện chồng bà đang nuôi con, bản thân bà không có điều kiện nuôi con, do bà đi làm suốt nên không có thời gian chăm con vì vậy bà đồng ý để ông Danh B tiếp tục nuôi con chung tên Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000đồng/02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Danh B không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Danh B.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng

đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Thị Ngọc L được ly hôn với ông Danh B. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015 cho ông Danh B tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận sự tự nguyện của bà Thị Ngọc L về việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000đồng/02 con chung; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị Ngọc L và ông Danh B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Danh B là bị đơn trong vụ án, ông Danh B có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Danh B vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tổng đạt cho người nhà ông Danh B nhận thay các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Danh B vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Danh B.

Bà Thị Ngọc L có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Thị Ngọc L không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Thị Ngọc L.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Ngọc L và ông Danh B cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 199/2009, ngày 08/10/2009, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Thị Ngọc L và ông Danh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Thị Ngọc L và ông Danh B là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà đã sống hạnh phúc được khoảng 06 năm và có 02 người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Thị Ngọc L cho rằng do chồng bà thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, chồng bà ghen tuông vô cớ, ông Danh B còn dùng bạo lực với bà nhiều lần, gia đình đã khuyên ngăn nhưng ông B không chịu thay đổi, do bà không chịu nổi nên bà đã bỏ nhà đi và vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông Danh B không còn liên lạc với bà. Ngày 25/6/2024 và ngày 12/7/2024, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Danh B vắng mặt và bà Thị Ngọc L cương quyết ly hôn với ông Danh B. Xét thấy, vợ chồng bà Thị Ngọc L và ông Danh B đã sống ly thân với nhau, trong thời gian này, ông Danh B và bà Thị Ngọc L không tìm được tiếng nói chung và không còn liên lạc với nhau. Khi Tòa án mời ông Danh B đến Tòa án để hòa giải, động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Danh B không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Thị Ngọc L cương quyết xin ly hôn với ông Danh B và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Danh B, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị Ngọc L.

[4] Về con chung: Bà Thị Ngọc L và ông Danh B có 02 người con chung tên Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015 hiện nay ông Danh B đang nuôi dưỡng.

Từ lúc vợ chồng bà sống ly thân đến nay, ông Danh B nuôi con và đảm bảo các con sống tốt, bản thân bà L không có điều kiện nuôi con nên bà Thị Ngọc L đồng ý giao hai người con chung tên Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015 cho ông Danh B tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay ông Danh B đã dẫn các con chung đi khỏi địa phương nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các cháu. Xét thấy, bà L không đủ điều kiện để chăm sóc các con và đồng ý giao 02 người con chung cho ông Danh B nuôi dưỡng, ông Danh B là cha ruột của các cháu, để đảm bảo quyền lợi của các cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Ngọc L đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000đồng/02 con chung, xét thấy, mức cấp dưỡng của bà L không thấp hơn quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị Ngọc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004714, ngày 20/02/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Ngọc L phải nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Ngọc L.

Về hôn nhân: Xử cho bà Thị Ngọc L và ông Danh B được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Danh Triệu H – sinh ngày 17/9/2010 và Danh Quy K – sinh ngày 03/3/2015 cho ông Danh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Thị Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng bằng 2.500.000đồng/02 người con chung. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu Triệu H và Quy K đủ 18 tuổi.

Bà Thị Ngọc L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở bà Thị Ngọc L thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004714, ngày 20/02/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Ngọc L phải nộp 300.000đồng.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang